

Số: 1837/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 14 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung lần 1) dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D - Lô 4, phường Quyết Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở; kích thước, diện tích đất tối thiểu được tách thửa; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng



trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho 06 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu và 01 dự án trên địa bàn huyện Tân Uyên;

Xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1216/TTr-TNMT ngày 11/11/2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung lần 1) dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D - Lô 4, phường Quyết Tiến, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **548.734.393 đồng.**  
(*Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn ba trăm chín mươi ba đồng chẵn.*)

#### **Trong đó:**

- Chi trả cho chủ sở hữu:	<b>548.734.393 đồng</b>
+ Bồi thường về đất:	105.323.993 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	0 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	88.934.000 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	354.476.400 đồng

(*Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo*)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 25 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Quyết Tiến; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Hữu Cam**

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ (bổ sung lần 1)**

**Dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới bắc 4D- Lô 4, phường Quyết Tiến**

*(Kèm theo Quyết định số: 1837/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND thành phố Lai Châu)*

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	7	8	9=7*8
<b>A</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>548.734.393</b>
1	Chi trả cho chủ sở hữu				548.734.393
a	Đất				105.323.993
b	Tài sản, VKT				0
c	Cây cối hoa màu				88.934.000
d	Chính sách hỗ trợ				354.476.400
<b>B</b>	<b>CHI TIẾT CHO CÁC HỘ DÂN</b>				<b>548.734.393</b>
1	<b>Vũ Thị Hoan</b>				
	Địa chỉ: Tổ 6- phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				185.639.600
a	<i>Về đất</i>				34.717.400
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	1.021,1		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	1.021,1	34.000	34.717.400
	Vị trí				
	Nguồn gốc: Một phần diện tích gia đình bà Hoan được cấp GCNQSD đất số BQ450603 ngày 29/12/2014 phần diện tích đất còn lại được nông trường chè Tam Đường giao khoán năm 1998, phần diện tích chồng lấn lên thửa 174, TBĐ 3 quy chủ bà Hán Thị Hương, thửa 238 TBĐ số 3 (DGT) quy chủ cho UBND phường quản lý, thửa 173 TBĐ 3 đã cấp GCN BQ450606 ngày 9/12/2014 cho ông Nguyễn Xuân Chiêm hiện trạng do gia đình bà Hoan sử dụng ổn định không tranh chấp với ai, có cùng nguồn gốc thửa đất trên				
b	<i>Cây cối hoa màu trên đất</i>				28.050.000
1	Sản lượng chè 1.020m <sup>2</sup> *25 tấn/ha/năm*2 năm	kg	5.100	5.500	28.050.000
c	<i>Chính sách hỗ trợ</i>				122.872.200
1	Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất gia đình trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp tỷ lệ mất đất trên 70% diện tích đất nông nghiệp không phải di chuyển chỗ ở (4 khẩu *30kg*12 tháng) theo điều 16 Quyết định 33/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi lô 2+ lô 4 chi hỗ trợ diện tích thu hồi trên 70% 1 lần trên lô 4)	kg/ người	1.440,0	13.000	18.720.000
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m <sup>2</sup>	1.021,1	102.000	104.152.200



2	<b>Ngô Thị Hải</b>				
	<b>Địa chỉ: Tổ 7- phường Quyết Tiến</b>				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)</b>				<b>363.094.793</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>70.606.593</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	2.087,1		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	2.087,1	34.000	70.961.400
	Truy thu nghĩa vụ tài chính 2,5% do gia đình chưa làm đăng ký biến động theo quy định gồm thuế TNCN và lệ phí trước bạ		2.087,1	-170	-354.807
	Vị trí:VT1				
	<p>Nguồn gốc: Nhận tặng cho của bố mẹ là bà Tạ Thị Xiêm, ông Phạm Thế Song theo hợp đồng số 499 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/4/2018; chưa đăng ký biến động theo quy định, phần diện tích đất chồng lấn lên thửa 238 TĐĐ 3 DGT đang quy chủ cho UBND phường quản lý; thửa 193 TĐĐ 3 đã cấp GCN BQ450669 ngày 29/12/2014 cho ông Lê Ngọc Khải; thửa 189 TĐĐ 3 đã cấp GCN CM591188 cấp ngày 08/3/2018 cho ông Phạm Văn Độ hiện trạng do gia đình bà Hải sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, có cùng nguồn gốc với diện tích nêu trên</p>				
<b>b</b>	<b>Cây cối hoa màu trên đất</b>				<b>60.884.000</b>
1	Cây ổi bán kính phát tán từ 2-4m	cây	3,0	480.000	1.440.000
2	Cây ổi trồng hạt năm thứ 2	cây	4,0	66.000	264.000
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 3	cây	15,0	132.000	1.980.000
4	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ nhất	cây		42.000	-
5	Sản lượng chè 2.080 m <sup>2</sup> *25 tấn/ha / năm*2 năm	kg	10.400,0	5.500	57.200.000
<b>c</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>231.604.200</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m <sup>2</sup>	2.087,1	102.000	212.884.200
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất gia đình trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp tỷ lệ mất đất trên 70% diện tích đất nông nghiệp không phải di chuyển chỗ ở (4 khẩu *30kg*12 tháng) theo điều 16 Quyết định 33/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	kg/ người	1.440,0	13.000	18.720.000

